

Bản án số: 252/2024/HS - ST
Ngày 17/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang;
- Bà Lê Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại điểm cầu thành phần: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 241/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm đặt tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2778/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2928/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu H, sinh ngày 14/6/1984 tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Long An; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949 (Đã chết) và bà Đoàn Thị Kim A, sinh năm 1949; vợ, con: Có vợ và hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2024 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người tham gia tố tụng khác:

- *Bị hại:* Công ty TNHH Bệnh viện J

Trụ sở chính: đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Nguyễn Phan Tú D, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1998;

Địa chỉ: đường A, Phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thu H2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Quốc lộ Y, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Phạm Thị Việt T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: đường H, Phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Ông Lê Đặng Tiến H3, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Đường S, phường A, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Trần Tuyết L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: D, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. Bà Ngô Đỗ Thanh T1, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thị xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2021, Nguyễn Hữu H (sau đây gọi là H) quen biết với một người tên Lê Trường T4, thời điểm này H bị mất căn cước công dân nhưng cần mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền lương (thời điểm đó đang dịch covid 19) nên Hoài nhờ ông T4 đi mở tài khoản ngân hàng tên Lê Trường T4 (Số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB). Sau khi ông T4 đăng ký xong tài khoản thì H nhờ ông T4 đổi lại số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet banking thành số điện thoại của H để H quản lý sử dụng tài khoản nêu trên.

Tháng 7/2022, H làm việc tại Bệnh viện J với vị trí công việc Kế toán công nợ. Theo quy trình tại bệnh viện J, khi đến thời kỳ thanh toán tiền hàng cho đối tác, H sẽ liên hệ với kho được cụ thể là gặp bà Lê Thị Thu H1 để lấy “Phiếu xuất - Nhập kho – Thanh toán” đối chiếu công nợ mà đối tác cung cấp rồi trình cho Tổng giám đốc cụ thể là ông Nguyễn Phan Tú D (chủ Bệnh viện J) ký duyệt vào “Phiếu xuất – Nhập kho – Thanh toán” để duyệt số tiền cần chi. Sau đó, H sẽ soạn thảo “Phiếu đề nghị thanh toán” để trình cho bà Phạm Thị Việt T (kế toán trưởng) kiểm tra, sau khi bà T kiểm tra thông tin phù hợp thì bà T sẽ ký vào “Phiếu đề nghị thanh toán”. Sau đó, H sẽ cầm tất cả hồ sơ đến gặp bà Ngô Đỗ Thanh T1

hoặc bà Nguyễn Thị Kiều T2 (kế toán) kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ rồi tiến hành lập “Phiếu chi” và sẽ ký tên vào mục “Người lập phiếu”. Sau đó, H sẽ cầm bộ hồ sơ quay lại trình cho bà Phạm Thị Việt T kiểm tra một lần nữa và ký tên vào “Phiếu chi” tại mục “Kế toán trưởng”. Lúc này, H sẽ mang toàn bộ hồ sơ đến gặp thủ quỹ là bà Trần Tuyết L để kiểm tra lại lần cuối toàn bộ hồ sơ rồi mới thực hiện việc chi tiền. Thời gian làm việc tại Bệnh viện J, H thấy khi đề xuất chi tiền thanh toán tiền hàng cho đối tác xong thì ít bị kiểm tra lại nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền chiếm đoạt số tiền thanh toán tiền hàng cho đối tác của Bệnh viện J để trả nợ.

Để thực hiện ý định này, H tạo một group Zalo bao gồm H, chị Phạm Thị Việt T, chị Ngô Đỗ Thanh T1 và tài khoản Zalo giả tên Võ Vihan (do H tự tạo mạo danh nhân viên Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V, chuyên cung cấp thiết bị y tế) là công ty đối tác của bệnh viện J. H sử dụng tài khoản zalo Võ Vihan nhắn tin vào nhóm trên và đề nghị thanh toán tiền vào tài khoản tên Lê Trường T4 (số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB) nên bà T và bà T1 đều tin là thật và duyệt chi tiền thanh toán tiền hàng cho công ty V vào tài khoản nêu trên. H đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bệnh viện J, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 18/8/2023, H lập hồ sơ đề nghị thanh toán công nợ, chi tiền mặt cho nhà cung cấp là công ty V. Sau khi được duyệt chi và nhận được số tiền này, H đi nộp tiền mặt vào tài khoản cá nhân người tên Lê Trường T4 (Số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB) để chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng, rồi tiếp tục chuyển số tiền trên vào tài khoản số 0181003427526 chủ tài khoản tên Nguyễn Hữu H của H mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để chiếm đoạt.

Vụ thứ hai: Ngày 24/8/2023, H lập hồ sơ đề nghị thanh toán công nợ cho công ty V, đề nghị chuyển vào tài khoản cá nhân người tên Lê Trường T4 (Số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB) để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này, H chuyển số tiền trên đến tài khoản số 0181003427526 chủ tài khoản tên Nguyễn Hữu H mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để chiếm đoạt.

Vụ thứ ba: Ngày 25/8/2023, H lập hồ sơ đề nghị thanh toán công nợ 48.880.000 đồng cho công ty L, sau khi hoàn tất hồ sơ được chi tiền thì H không cung cấp tài khoản của công ty L để thanh toán tiền hàng mà cung cấp tài khoản số 1903625375601 tên Nguyễn Tiến M, mở tại Techcombank do chủ nợ của H vay online trên mạng cung cấp nhằm chiếm đoạt số tiền trên trả nợ cho chủ nợ.

Vụ thứ tư: Ngày 25/8/2023, H lập hồ sơ đề nghị thanh toán công nợ cho nhà cung cấp công ty Y Nha Khoa D với số tiền 206.550.000 đồng, đề nghị chuyển khoản vào tài khoản cá nhân người tên Lê Đăng Tiến H3 (số tài khoản 19030502173011 – Ngân hàng Techcombank) - là nhân viên cũ của Công ty TNHH Y Nha Khoa D để bà Phạm Thị Việt T và những người khác không nghi ngờ ký vào phiếu chi tiền. Sau khi ông Lê Đăng Tiến H3 nhận được tiền, H liên hệ ông H3 thông báo là Bệnh viện J chuyển khoản nhầm tiền và đề nghị ông H3 chuyển khoản lại cho Bệnh viện theo tài khoản Lê Trường T4. Ông H3 tin tưởng

nên chuyển tiền theo yêu cầu của H và H chiếm đoạt số tiền 206.550.000 đồng, không thanh toán cho nhà cung cấp.

Vụ thứ năm: Ngày 30/8/2023, H lập không hồ sơ đề nghị thanh toán công nợ cho nhà cung cấp là công ty V bằng cách H gặp bà Lê Thị Thu H1 nói mất 03 Phiếu nhập kho đã thanh toán của công ty V. Sau đó H lấy 02 Phiếu nhập kho đã làm phiếu thanh toán trước đó vào các ngày 18/8/2023 và 24/8/2023 với tổng số tiền 110.000.000 đồng để tiếp tục làm phiếu thanh toán không, đề nghị chuyển vào tài khoản cá nhân người tên Lê Trường T4 (Số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB). Sau khi nhận được số tiền này, cùng ngày 30/08/2023, H đã thực hiện 02 giao dịch chuyển tiền, cụ thể: 40.000.000 đồng vào tài khoản số 9623977 chủ tài khoản tên “MAI VĂN H4” mở tại ACB, đây là tài khoản chủ nợ cung cấp để H chuyển tiền trả; 70.000.000 đồng vào tài khoản 0181003427526 chủ tài khoản tên Nguyễn Hữu H mở tại ngân hàng Vietcombank rồi sau đó sử dụng để trả nợ hết.

Vụ thứ sáu: Ngày 30/8/2023, H có ý định chiếm đoạt tiền của Bệnh viện J nên tạm ứng của Bệnh viện số tiền 6.000.000 đồng và nói dối là để đi mua nhu yếu phẩm sử dụng cho các khoa, phòng của bệnh viện, nhưng H không mua và đã chiếm đoạt số tiền nêu trên và đã tiêu xài hết.

Ngoài ra, doanh thu mua hàng trong năm 2022 của Bệnh viện đạt chỉ tiêu và nhận được chia chiết khấu từ nhà cung cấp là Công ty Y Nha khoa D với số tiền 12.330.428 đồng. Thay vì số tiền chiết khấu sẽ được trừ vào số tiền mua hàng của đợt mua hàng sau nhưng H đã tạo tin nhắn giả mạo lãnh đạo của bệnh viện J nhắn tin yêu cầu Công ty Y Nha khoa D chuyển tiền chiết khấu vào tài khoản Lê Trường T4 (Số tài khoản: 2374621, tại Ngân hàng ACB). Do tin tưởng nên Công ty Y Nha khoa D đã chuyển tiền theo yêu cầu của H và H đã chiếm đoạt số tiền trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Bệnh viện J yêu cầu Nguyễn Hữu H trả lại số tiền 493.760.428 đồng mà H đã chiếm đoạt.

Tại Bản cáo trạng số 249/CT-VKS-Q1 ngày 25 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Hữu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa kết luận bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và đánh giá trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 (hai) lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng đến 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm. Bị cáo Nguyễn Hữu H đồng ý sẽ bồi thường cho bị hại Bệnh viện J số tiền 493.760.428 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Từ 18/8/2023 đến ngày 30/8/2023, tại Bệnh viện J, đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Hữu H đã 07 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tổng số tiền 493.760.428 đồng của Bệnh viện J. Khi thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên thì bị cáo Nguyễn Hữu H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Hữu H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Việt T, bà Ngô Đỗ Thanh T1, bà Trần Tuyết L, bà Nguyễn Thu H2, bà Lê Thị Thu H1 và ông Lê Đăng Tiến H3 trong quá trình điều tra xác định không tham gia bàn bạc, thống nhất cũng như hỗ trợ bị cáo Nguyễn Hữu H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Đối với các đối tượng (không xác định) nhận tiền do bị cáo Nguyễn Hữu H chiếm đoạt của bị hại là Bệnh viện J để trả nợ, qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu H là nguy hiểm cho xã hội,

xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng cho quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo cũng như răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ 18/8/2023 đến ngày 30/8/2023, bị cáo Nguyễn Hữu H đã 07 (bảy) lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tổng số tiền 493.760.428 đồng của Bệnh viện J. Do đó, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định từ 18/8/2023 đến ngày 30/8/2023 bị cáo Nguyễn Hữu H chiếm đoạt của Bệnh viện J tổng số tiền là 493.760.428 đồng. Vì vậy, có cơ sở buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại là Bệnh viện J số tiền đã chiếm đoạt là 493.760.428 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 23.750.417 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Nguyễn Hữu H 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ các Điều 584, Điều 586 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H bồi thường cho bị hại là Bệnh viện J số tiền 493.760.428 đồng.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bệnh viện J cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Nguyễn Hữu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2021; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 23.750.417 đồng.

- Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP - hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tâm